

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Nguyễn Hồng Điệp;
- Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Ngọc P, sinh ngày 09/5/1984, CCCD 092184009751; địa chỉ: tổ E, ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hùng C, sinh ngày 08/12/1963, CCCD 089063023294; địa chỉ: tổ C, ấp A, xã L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hùng C chung sống nhau vào năm 2008, hôn nhân do tự tìm hiểu, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì

mâu thuẫn, nguyên nhân ông C thường xuyên ăn nhậu say xỉn, chửi mắng bà P và ông C không chăm lo cho gia đình dẫn đến cả hai bất đồng quan điểm nên không còn chung sống từ năm 2010 đến nay. Thấy tình cảm không còn bà xin ly hôn với ông Nguyễn Hùng C. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Nguyễn Hùng T, sinh ngày 06/10/2008 hiện chung sống cùng bà P, khi ly hôn bà P yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Hùng C được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông C vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Không công nhận bà Lê Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hùng C là vợ chồng;

- Bà Lê Thị Ngọc P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Hùng T, sinh ngày 06/10/2008, ông Nguyễn Hùng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hùng C. Ông C có nơi cư trú tổ C, ấp A, xã L, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc P có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hùng C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[3] Bà Lê Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hùng C, Hội đồng xét xử xét thấy, bà P xác định, ông, bà chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình làm việc, bà P xác định trong thời gian vợ chồng sống chung ông C thường xuyên ăn nhậu say xỉn, chửi mắng bà P và ông C không chăm lo cho gia đình dẫn đến cả hai bất đồng quan điểm nên không còn chung sống từ năm 2010 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà P yêu cầu ly hôn và triệu tập ông C tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà P. Hội đồng xét xử xét thấy, bà P và ông C chung sống với nhau vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án không công nhận bà P và ông C là vợ chồng phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Bà P xác định, trong thời gian chung sống, ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Hùng T, sinh ngày 06/10/2008. Hiện cháu T đang sống với bà P. Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu T cho thấy nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà P. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu T do bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và trong quá trình giải quyết ông C cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà P. Do đó, để bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Bà P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Bà P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc P đối với ông Nguyễn Hùng C.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hùng C là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Ngọc P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Hùng T, sinh ngày 06/10/2008. Ông Nguyễn Hùng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Ngọc P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hùng C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà Lê Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hùng C xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà Lê Thị Ngọc P và ông Nguyễn Hùng C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Lê Thị Ngọc P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 304233 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 01 tháng 4 năm 2026. Bà Lê Thị Ngọc P đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư